

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày 16 - 11 - 2018

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế,
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu và hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Châu - Cán bộ hưu trí

Ông Nguyễn Văn Danh – Công tác tại Tỉnh đoàn Quảng Ngãi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 736/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng số 1343/2018/TB-TA ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th - sinh năm 1943; cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Chị Lê Thị T – sinh năm 1981; cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Át – Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Ân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ng – sinh năm 1970; cư trú tại số 225/26 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn B – sinh năm 1936; cư trú tại số nhà 225/26 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Anh Nguyễn Văn Ng – sinh năm 1970. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2018).

2. Anh Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1977

3. Chị Lê Thị T – sinh năm 1981

4. Cháu Nguyễn Lê Tuyết Kh - sinh ngày 22/8/2006

5. Cháu Nguyễn Anh Kh1 – sinh ngày 08/9/2011

Người đại diện theo pháp luật của cháu Kh và cháu Kh1: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị T (cha, mẹ của cháu Kh và cháu Kh1).

6. Bà Lê Thị Kim L – sinh năm 1948

Cùng cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 163 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Hải – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Duy Hạnh – Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện Đức Phổ. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2018).

8. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: Số 46 đường Lê Thánh Tôn, phường Diên Hồng, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Vũ – Trưởng Phòng Công chứng.

9. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 23 đường Đỗ Quang Thắng thuộc tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Mân – Chủ tịch.

(Chị T và Luật sư Át có mặt tại phiên tòa. Anh Ng, anh T1, bà L, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, UBND thị trấn Đức Phổ, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018, bổ sung đề ngày 06/8/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Th do chị Lê Thị T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Cụ Nguyễn Văn Lý (chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị Long (chết năm 1977) có 2 người con là ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn B. Ngoài ra, cụ Lý và cụ Long không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng. Cụ Long chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27, diện tích 328m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 226) thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 27, diện tích 750m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 35) do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đức Phổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho cụ Nguyễn Văn Lý vào ngày 15/12/2005, là của cụ Lý và cụ Long tạo lập.

Năm 2006, cụ Lý chuyển nhượng một phần thửa 35 cho ông Phan Minh Hùng, diện tích 136m²; ông Nguyễn Đức Toàn, diện tích 109m²; cho cháu họ là ông Nguyễn Thanh Đề, diện tích 137m². Năm 2007, cụ Lý cho vợ chồng chị (chồng là anh Nguyễn Văn T1) làm nhà ở trên thửa 226, diện tích xây dựng khoảng 120m². Việc cụ Lý cho đất vợ chồng chị đã được mọi người thống nhất, nhưng chỉ nói miệng, không lập biên bản.

Ngày 21/01/2010, cụ Lý lập Di chúc để lại cho anh Nguyễn Văn Ng (con trai của ông Nguyễn Văn B) diện tích đất 368m² thuộc một phần thửa 35, trong đó có cả diện tích đất cụ Lý đã cho vợ chồng chị làm nhà vào năm 2007, được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai công chứng.

Ngày 19/10/2017, anh Ng lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với diện tích đất được hưởng theo Di chúc, được UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực. Sau đó, anh Ng đã làm thủ tục và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ cho anh Ng vào ngày 21/11/2017 đối với thửa 226.

Nay, ông Th yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc của cụ Lý được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai công chứng ngày 21/01/2010 đối với diện tích đất 368m² thuộc một phần thửa 35 là không hợp pháp; Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Ng được UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực ngày 19/10/2017 vô hiệu; Hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho anh Ng vào ngày 21/11/2017 đối với thửa 226; Chia di sản thừa kế của cụ Lý và cụ Long theo pháp luật đối với thửa 226 cho ông Th và ông B. Ông Th chỉ yêu cầu nhận diện tích đất 120m² tại vị trí có nhà của vợ chồng chị, có giới cận: Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa 226; phía Tây giáp nhà, đất của ông Nguyễn Đức Toàn; phía Nam giáp đường Trương Quang Giao; phía Bắc giáp nhà, đất của ông Lê Tuyết. Ông Th đồng ý tặng cho phần đất được chia thừa kế, trên đất có nhà của vợ chồng chị cho vợ chồng chị quản lý, sử dụng. Phần đất còn lại cùng ngôi nhà, 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất của cụ Lý và cụ Long, chia cho ông B quản lý, sở hữu, sử dụng. Ông Th không yêu cầu ông B thanh toán giá trị kỹ phần chênh lệch cho ông Th. Ngoài ra, trên phần đất chia cho ông B có ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 25m² do ông Th và bà L xây dựng. Ông Th đồng ý giao nhà của ông và bà L cho ông B sở hữu, sử dụng. Ông Th không yêu cầu hoàn trả giá trị. Ông Th không yêu cầu tính công, chi phí tôn tạo, bảo quản di

sản; công, chi phí nuôi dưỡng cũng như chi phí ma chay của người để lại di sản. Ngoài ra, ông Th không yêu cầu gì khác.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn Ng vừa là bị đơn vừa là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, đại diện trình bày:*

Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày và đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th do chị T đại diện trình bày.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Th thì phần di sản ông B được hưởng cùng ngôi nhà, 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất của cụ Lý và cụ Long, ông B giao cho anh sở hữu, sử dụng thì anh đồng ý nhận. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T, anh Nguyễn Văn T1 cùng trình bày: Anh, chị là con trai và con dâu của ông Th. Anh, chị thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Th, không bổ sung gì thêm. Anh, chị đồng ý nhận phần đất ông Th được chia thừa kế, trên đất có nhà của anh, chị do ông Th tặng cho, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Th. Anh, chị không yêu cầu tính công, chi phí tôn tạo, bảo quản di sản; công, chi phí nuôi dưỡng cũng như chi phí ma chay của người để lại di sản. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu gì khác.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Kim L trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Th. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Th. Trên thửa 226 có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 25m² do bà và ông Th xây dựng. Đối với nhà, đất là di sản của cụ Lý, cụ Long để lại, Tòa án giao phần di sản này cho ai thì người đó được hưởng, bà không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì.*

Trường hợp ông Th và ông B thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Long và cụ Lý, giao phần đất có nhà của bà và ông Th cho ông B quản lý, sử dụng thì bà tự nguyện giao ngôi nhà của bà và ông Th cho ông B trọn quyền sở hữu, sử dụng. Bà không yêu cầu ông B thanh toán giá trị ngôi nhà cho bà và ông Th. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi do ông Phan Duy Hạnh là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 15/12/2005, UBND huyện Đức Phổ cấp GCNQSDĐ cho cụ Nguyễn Văn Lý đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 27, diện tích 750m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 19/01/2006, cụ Lý chuyển nhượng một phần thửa đất số 35 cho ông Phan Minh Hùng, diện tích 136m²; chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Toàn, diện tích 109m² vào ngày 31/7/2006; chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh Đề, diện tích 137m² đều được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Phổ xác nhận tại trang 4 trong GCNQSDĐ.

Ngày 21/01/2010, cụ Lý lập Di chúc để lại toàn bộ phần đất còn lại của thửa đất số 35, diện tích 368m² cho anh Nguyễn Văn Ng, được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng thực. Ngày 19/10/2017, anh Ng lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế được UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực. Ngày 21/11/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã cấp GCNQSDĐ cho anh Ng đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27, diện tích 328m² tại thị trấn Đức Phổ.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ cho anh Ng là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn Đức Phổ do ông Nguyễn Viết Mân là người đại diện theo pháp luật trình bày:* Ngày 19/10/2017, anh Nguyễn Văn Ng đến UBND thị trấn Đức Phổ để lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 35 và cung cấp các loại giấy tờ có liên quan kèm theo. Sau khi xem xét hồ sơ và căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, UBND thị trấn Đức Phổ đã chứng thực Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Ng là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai do ông Phạm Huy Vũ đại diện theo pháp luật trình bày:* Phòng Công chứng cung cấp bản sao hồ sơ công chứng đối với Di chúc của cụ Nguyễn Văn Lý và không có ý kiến gì đối với vụ án. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th:* Tuyên bố Di chúc của cụ Nguyễn Văn Lý được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai chứng thực ngày 21/01/2010 đối với một phần thửa đất số 35 (nay là thửa đất số 226) không hợp pháp; Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Ng đối với một phần thửa đất số 35 được UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực ngày 19/10/2017 vô hiệu; Hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho anh Ng vào ngày 21/11/2017 đối với thửa đất số 226; Chia di sản thừa kế của cụ Lý và cụ Long theo pháp luật đối với thửa đất số 226 cho ông Th và ông B. Ông Th yêu cầu nhận phần đất có diện tích khoảng 120m² tại vị trí có nhà của anh T1, chị T, có giới cận: Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa 226; phía Tây giáp nhà, đất của ông Nguyễn Đức Toàn; phía Nam giáp đường Trương Quang Giao; phía Bắc giáp nhà, đất của ông Lê Tuyết. Giao phần đất còn lại của thửa 226 cùng ngôi nhà của cụ Lý, cụ Long xây dựng và 01 cây dừa cho quả cho ông B được hưởng. Ông Th không yêu cầu ông B thanh toán giá trị kỹ phần chênh lệch cho ông Th. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th về việc tặng cho anh T1, chị T kỹ phần mà ông Th được hưởng và không yêu cầu anh Ng - người nhận kỹ phần của ông B hoàn trả giá trị ngôi nhà cấp 4 của ông Th và bà L xây dựng trên phần đất giao cho anh Ng quản lý, sử dụng.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm*

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại khoản 5, 11 Điều 26, khoản 1 Điều 34, Điều 48, 51, 203, 208, 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách của những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định tại Điều 70, 71, 72, 73, 85, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5, 11 Điều 26, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo sự thỏa thuận của ông Th và ông B. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th về việc giao lại ngôi nhà của vợ chồng ông cho anh Ng quản lý, sở hữu, sử dụng và không yêu cầu thanh toán giá trị. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 02/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Xét thấy đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên ngày 03/7/2018, Tòa án có Thông báo số 722/TB-TA về việc yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Ngày 06/8/2018, Tòa án nhận được đơn khởi kiện bổ sung của ông Th. Ngày 08/8/2018, Tòa án có Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 694/TB-TA đối với ông Th. Cùng ngày, Tòa án thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 191, 193, 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn Th yêu cầu tuyên bố Di chúc của cụ Nguyễn Văn Lý được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai công chứng ngày 21/01/2010 đối với một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 27, diện tích 368m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 35) không hợp pháp; tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Ng đối với một phần thửa 35 được UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực ngày 19/10/2017 vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho anh Ng vào ngày 21/11/2017 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27, diện tích 328m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 226); chia di sản thừa kế của cụ Lý và cụ Long theo pháp luật đối với thửa 226 cho ông Th

và ông B. Ngày 08/8/2018, Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5, khoản 11 Điều 26, Điều 34, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn T1, bà Lê Thị Kim L, ông Phan Duy Hạnh - người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, ông Phạm Huy Vũ - người đại diện theo pháp luật của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai và ông Nguyễn Việt Mân – người đại diện theo pháp luật của UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận về quan hệ huyết thống, cụ Nguyễn Văn Lý (chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị Long (chết năm 1977) có 2 người con là ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn B. Ngoài ra, cụ Lý và cụ Long không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng. Cụ Long chết không để lại di chúc.

Ông Th có vợ là bà Lê Thị Kim L. Ông Th và bà L có 05 người con chung là các anh, chị Nguyễn Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thị Bích Lệ, Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Toàn. Ngoài ra, ông Th và bà L không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng.

Ông B có vợ là bà Đỗ Thị Hoa (chết năm 2002). Ông B và bà Hoa có 04 người con chung là các anh, chị Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh. Ngoài ra, ông B và bà Hoa không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng.

[2.2] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa 226 thuộc một phần thửa 35 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đức Phổ cấp GCNQSDĐ cho cụ Lý vào ngày 15/12/2005 cùng ngôi nhà cấp 4, 01 cây dừa cho quả về phía Đông của thửa 226 là của cụ Lý và cụ Long tạo lập. Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Năm 2006, cụ Lý chuyển nhượng một phần thửa 35 cho ông Phan Minh Hùng, diện tích 136m²; ông Nguyễn Đức Toàn, diện tích 109m²; ông Nguyễn Thanh Đề, diện tích đất 137m². Các đương sự không tranh chấp đối với phần đất đã chuyển nhượng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cụ Long chết không để lại di chúc nên ½ quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 35 có diện tích 184m² (368m² : 2) là di sản của cụ Long để lại cho các đồng thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Long gồm có 03 người là cụ Lý, ông B và ông Th nhưng cụ Lý đã lập Di chúc

định đoạt toàn bộ tài sản chung của cụ Long và cụ Lý là diện tích đất còn lại của thửa 35 nay là thửa 226, trong đó có phần đất cụ Lý đã cho anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị T (con trai và con dâu của ông Th) làm nhà ở từ năm 2007, cho anh Ng được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai công chứng ngày 21/01/2010 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 219, 223, 631, 632, 634, 646, 652 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Di chúc của cụ Lý là không hợp pháp.

Theo văn bản số 159/UBND ngày 17/9/2017 của UBND thị trấn Đức Phổ thì: Sau khi tiếp nhận hồ sơ về việc khai nhận di sản thừa kế của anh Ng đối với một phần thửa 35 mà cụ Lý đã lập Di chúc định đoạt cho anh Ng, được công chứng ngày 21/01/2010 và một số tài liệu có liên quan, UBND thị trấn Đức Phổ đã tiến hành làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế cho anh Ng là đúng quy định của pháp luật nhưng như nhận định trên thì Di chúc của cụ Lý được công chứng ngày 21/01/2010 không hợp pháp, nên việc UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Ng vào ngày 19/10/2017 là vô hiệu.

Theo văn bản số 334/CNĐP ngày 22/8/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện Đức Phổ thì: Cụ Lý lập Di chúc để lại toàn bộ phần đất còn lại của thửa 35 có diện tích 368m² cho anh Ng được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai công chứng ngày 21/01/2010. Ngày 19/10/2017, UBND thị trấn Đức Phổ đã chứng thực Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Ng. Do đó, ngày 21/11/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã cấp GCNQSDĐ cho anh Ng đối với thửa 226 là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên, Di chúc đề ngày 21/01/2010 của cụ Lý là không hợp pháp, Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Ng được UBND thị trấn Đức Phổ chứng thực ngày 19/10/2017 vô hiệu nên việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ cho anh Ng đối với thửa 226 vào ngày 21/11/2017 là không đúng, do đó có cơ sở hủy GCNQSDĐ đã cấp cho anh Ng đối với thửa 226 nên việc ông Th yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lý và cụ Long để lại đối với thửa 226 cho ông và ông B là có căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005; tại điểm a, b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015, được chấp nhận.

Theo kết quả trích đo của Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thì diện tích đất thực tế của thửa 226 là 331.2m², chênh lệch tăng 3.2m² so với diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ. Tại Biên bản làm việc ngày 30/10/2018, UBND huyện Đức Phổ cho biết việc chênh lệch diện tích đất tăng là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế ranh giới, mốc giới sử dụng ổn định, không thay đổi, không lấn chiếm với các hộ lân cận.

[2.5] Về giá trị di sản: Theo Biên bản làm việc ngày 09/10/2018, các đương sự thỏa thuận giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là 1.400.000đ/m². Như vậy trị giá di sản của cụ Lý, cụ Long là 463.680.000đ (331.2m² x 1.400.000đ/m²).

Ông Th chỉ yêu cầu chia phần đất tại vị trí có nhà ở của anh T1 và chị T theo đo đạc thực tế có diện tích đất 106m², thành tiền 148.400.000đ (106m² x 1.400.000đ/m²),

có giới cận: Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa 226; phía Tây giáp nhà, đất của ông Nguyễn Đức Toàn; phía Nam giáp đường Trương Quang Giao; phía Bắc giáp nhà, đất của ông Lê Tuyết. Giao phần đất còn lại có diện tích 225.2m², thành tiền 315.280.000đ (225.2m² x 1.400.000đ/m²) cùng ngôi nhà cấp 4, 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất của cụ Lý và cụ Long cho ông B quản lý, sở hữu, sử dụng. Ông Th không yêu cầu ông B thanh toán giá trị kỹ phần chênh lệch cho ông là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Ông Th tự nguyện giao kỹ phần được hưởng cho anh T1, chị T nhận quản lý, sử dụng. Anh T1, chị T đồng ý nhận. Tại Biên bản làm việc ngày 16/10/2018 và Văn bản trình bày đề ngày 19/10/2018, bà L đồng ý với ý kiến của ông Th về việc giao kỹ phần được hưởng cho anh T1, chị T. Các con của ông Th và bà L là các anh, chị Phúc, Lê, Thủy, Toàn cũng có Văn bản trình bày đề ngày 19/10/2018 và ngày 22/10/2018 đều xác định các anh, chị không liên quan gì đến di sản là thửa 226 cùng tài sản gắn liền với đất; không có công sức đóng góp đối với di sản, nên đề nghị Tòa án không đưa các anh, chị vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp ông Th giao kỹ phần được hưởng cũng như tài sản gắn liền với đất cho ai thì người có được hưởng, các anh chị không có ý kiến và yêu cầu gì, nên ghi nhận sự tự nguyện của ông Th.

Ông B cũng tự nguyện giao kỹ phần được hưởng cho anh Ng quản lý, sở hữu, sử dụng. Anh Ng đồng ý nhận. Tại Văn bản trình bày đề ngày 25/10/2018 và ngày 26/10/2018, các con của ông B và bà Hòa là các anh, chị Ngọc, Oanh, Hòa cũng xác định các anh, chị không liên quan gì đến di sản là thửa 226 cùng tài sản gắn liền với đất; không có công sức đóng góp đối với di sản, nên đề nghị Tòa án không đưa các anh, chị vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp ông B giao kỹ phần được hưởng cùng tài sản gắn liền với đất cho ai thì người có được hưởng, các anh chị không có ý kiến và yêu cầu gì, nên ghi nhận sự tự nguyện của ông B.

Do đó, giao phần đất phía Tây của thửa 226, diện tích 106m² (ký hiệu là A) thuộc một phần thửa 226, có giới cận: Phía Đông giáp phần đất ký hiệu là B, phía Tây giáp nhà, đất của ông Nguyễn Đức Toàn, phía Nam giáp đường Trương Quang Giao, phía Bắc giáp đất ông Lê Tuyết cho anh T1, chị T quản lý, sử dụng. Trên phần đất giao cho anh T1, chị T có ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 100.5m² hiện gia đình của anh T1, chị T đang quản lý, sử dụng. Anh T1, chị T được tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng.

Giao phần đất phía Đông của thửa 226, diện tích 225.2m² cùng ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 94,7m²; 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất của cụ Lý và cụ Long để lại (ký hiệu là B) thuộc một phần thửa 226, có giới cận: Phía Đông giáp đường Trần Anh Tế, phía Tây giáp phần đất ký hiệu là A, phía Nam giáp đường Trương Quang Giao, phía Bắc giáp nhà, đất của ông Lê Tuyết cho anh Ng quản lý, sở hữu sử dụng.

Trên phần đất giao cho anh Ng quản lý, sử dụng có một phần mái nhà của anh T1, chị T có diện tích 2.6m² và 02 lăng tồ (một lăng tồ có diện tích 0.2m², một lăng tồ có

diện tích 0.1m²). Anh T1 và chị T tự nguyện tháo dỡ để trả lại đất cho anh Ng sử dụng, nên được ghi nhận.

Ngoài ra, trên phần đất giao cho anh Ng có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 24.2m² của ông Th, bà L xây dựng. Ông Th và bà L đồng ý giao ngôi nhà cấp 4 của ông, bà gắn liền với phần đất giao cho anh Ng trọn quyền sở hữu, sử dụng. Ông Th, bà L không yêu cầu anh Ng thanh toán giá trị ngôi nhà cấp 4 cho ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, nên cũng được ghi nhận.

Theo chị T thì hiện chị, anh T1 và các con của chị và anh T1 là cháu Kh, cháu Kh1 đang ở trên đất tranh chấp nên cần buộc anh T1, chị T, cháu Kh và cháu Kh1 có trách nhiệm hoàn trả diện tích đất 225.2m² (ký hiệu là B) thuộc một phần thửa 226 cho anh Ng quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự và tại phiên tòa, chị T không yêu cầu tính công, chi phí tôn tạo, bảo quản di sản, công chi phí nuôi dưỡng cũng như chi phí ma chay của người để lại di sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

(Phần đất giao cho anh T1, chị T và anh Ng quản lý, sử dụng có sơ đồ kích thước các cạnh kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Th và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỹ phân được hưởng. Ngoài ra, ông B còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với các yêu cầu khác của ông Th được chấp nhận nhưng ông Th và ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí. Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông Th, ông B.

[4] Chi phí tố tụng khác: Chi phí trích đo thửa đất là 3.600.000đ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ, tổng cộng là 5.600.000đ. Chị T đã tạm nộp, chị T xác định số tiền chị nộp là của ông Th, chị chỉ là người nộp thay cho ông Th. Ông Th tự nguyện chịu và chi phí xong.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5, 11 Điều 26, Điều 34, 37, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, 191, 193, 195; khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 219, 223, 631, 632, 634, 646, 652, điểm a, b khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điểm a, b khoản 1 Điều 675, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Khoản 1 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Th.

1.1. Tuyên bố Di chúc của cụ Nguyễn Văn Lý được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai công chứng số 144, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/01/2010 không hợp pháp.

1.2. Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Ng được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 201, quyển số I/2017-SCT/HĐGD ngày 19/10/2017 vô hiệu.

1.3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho anh Nguyễn Văn Ng đối với thửa 226, tờ bản đồ số 27, diện tích 328m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/11/2017.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Lý và cụ Nguyễn Thị Long theo pháp luật đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27, diện tích 331.2m² (theo đo đạc thực tế) tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (ký hiệu là A, B).

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Lý và cụ Nguyễn Thị Long là diện tích đất 331.2m² (theo đo đạc thực tế) cùng ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 94.7m² và 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất thuộc thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Lý, cụ Long gồm ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn B.

2.3. Di sản của cụ Lý và cụ Long được chia làm 02 kỷ phần: Kỷ phần của ông Th được hưởng là 106m² đất, thành tiền 148.400.000đ; kỷ phần của ông B được hưởng là 225.2m² đất, thành tiền 315.280.000đ cùng ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 94,7m² và 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất thuộc thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Th về việc giao kỹ phần được hưởng cho anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị T nhận.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn B về việc giao kỹ phần được hưởng cho anh Nguyễn Văn Ng nhận.

5. Giao phần đất có diện tích đất 106m² (ký hiệu là A) thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp phần đất giao cho anh Nguyễn Văn Ng (ký hiệu là B); phía Tây giáp nhà, đất của ông Nguyễn Đức Toàn; phía Nam giáp đường Trương Quang Giao; phía Bắc giáp nhà, đất của ông Lê Tuyết cho anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị T quản lý, sử dụng. Trên phần đất giao cho anh T1, chị T có ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 100.5m² hiện anh T1, chị T đang quản lý, sử dụng. Anh T1, chị T được quyền tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng.

6. Giao phần đất có diện tích đất 225.2m² (ký hiệu là B) cùng ngôi nhà cấp 4 của cụ Lý, cụ Long có diện tích xây dựng 94.7m² và ngôi nhà cấp 4 của ông Th, bà L có diện tích xây dựng 24.2m²; 01 cây dừa cho quả gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đường Trần Anh Tế, phía Tây giáp phần đất giao cho anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T (ký hiệu là A), phía Nam giáp đường Trương Quang Giao, phía Bắc giáp nhà, đất của ông Lê Tuyết cho anh Nguyễn Văn Ng quản lý, sở hữu, sử dụng.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị T về việc tháo dỡ một phần mái nhà có diện tích 2.6m² và 02 lãng tô có diện tích 0.3m² (lãng tô thứ nhất có diện tích 0.2m², lãng tô thứ hai có diện tích 0.1m²) gắn liền với ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 100.5m² hiện anh T1, chị T đang quản lý, sử dụng để trả lại không gian gắn liền với phần đất giao anh Ng quản lý, sử dụng.

8. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th, bà L về việc giao ngôi nhà cấp 4 của ông Th, bà L có diện tích xây dựng 24.2m² gắn liền với phần đất giao cho anh Ng quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho anh Ng quản lý, sở hữu, sử dụng. Anh Ng không phải thanh toán giá trị ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 24.2m² cho ông Th, bà L.

9. Buộc anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị T, cháu Nguyễn Lê Tuyết Kh và cháu Nguyễn Anh Kh1 có trách nhiệm hoàn trả diện tích đất 225.2m² (ký hiệu là B) thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 27 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho anh Ng quản lý, sử dụng.

(Phần đất giao cho anh T1, chị T và anh Ng quản lý, sử dụng có sơ đồ kích thước các cạnh kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

10. Chi phí tố tụng khác: Tổng cộng 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm ngàn đồng), ông Th tự nguyện chịu, ông Th đã nộp và chi phí xong.

11. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan